TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - ĐIỆN BIÊN** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 05/9/2025
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Ngọc
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tòng Văn Thanh và ông Khoàng Văn Hặc

- Thư ký phiên tòa: Ông Quàng Văn Long, là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Điện Biên, tỉnh Điện Biên;

Ngày 05 tháng 9 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Điện Biên, tỉnh Điện Biên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 29/2025/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2025 về việc Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Kháng Thị P;

Địa chỉ: Bản S, xã N, tỉnh Điện Biên. (Vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Hồ Chờ D

Địa chỉ: Bản S, xã N, tỉnh Điện Biên. (Có mặt)

- Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Lý A C - Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đ. (Có mặt)

- Người phiên dịch: Anh Thào A Chứ

Địa chỉ: Tổ dân phố A, xã N, tỉnh Điện Biên. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/3/2025 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Kháng Thị P trình bày:

Về hôn nhân: Bà P và ông D tổ chức kết hôn và về chung sống với nhau từ năm 1993 nhưng không đi đăng ký kết hôn. Sau khi chung sống hạnh phúc được một thời gian phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã nhau. Nguyên nhân do ông D ngoại tình và đánh đập bà P. Nay bà P xét thấy không thể chung sống được nữa, đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn chấm dứt mối quan hệ giữa hai ông bà.

Về con chung: Bà P và ông D có bốn con chung là Hồ Thị D1, sinh năm 1996, Hồ Thị L sinh năm 1998, Hồ A C1 sinh năm 2003 và Hồ A H sinh ngày 05/02/2007. Hiện các con chung đã thành niên và phát triển bình thường, có khả năng lao động nên bà P không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản và nợ: Bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà P có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên toà do bận công việc.

Quá trình giải quyết và tại phiên tòa ông Hồ Chờ D trình bày:

Về hôn nhân: Ông D và bà P chung sống với nhau từ năm 1993, không đăng ký kết hôn. Hiện ông và bà không còn tình cảm với nhau, hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau do bà P hay đi chơi. Giờ ông D cũng xác định không chung sống được với bà P nữa. Bà P1 muốn ly hôn thì ly hôn, ông D không có ý kiến gì chỉ muốn bà P không được đòi chia tài sản. Giờ ông D cũng không đi đăng ký kết hôn với bà P làm gì.

Về con chung: ông D khai có có bốn con chung là Hồ Thị D1, sinh năm 1996, Hồ Thị L sinh năm 1998, Hồ A C1 sinh năm 2003 và Hồ A H sinh ngày 05/02/2007. Hiện các con đã thành niên, phát triển bình thường và có sức lao động nên không yêu cầu giải quyết.

Về quan hệ tài sản: Không yêu cầu toà án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thủ tục thụ lý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 27/6/2025 Bà Kháng Thị P nộp đơn khởi kiện về việc Ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên đối với ông Hồ Chờ D, nơi đăng ký thường trú: Bản S, xã S, huyện M, tỉnh Điện Biên (Nay là bản Sa Lông 1, xã N, tỉnh Điện Biên). Bà P có quyền yêu cầu giải quyết ly hôn theo qui định tại khoản 1 Điều 51 và được Tòa án thụ lý theo qui định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Ngày 30/6/2025, bà P đã được chấp nhận miễn nộp tạm ứng án phí, cùng ngày Tòa án đã thụ lý vụ án để giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà P theo Điều 195 BLTTDS.

- Về thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu Ly hôn giữa bà Kháng Thị P và ông Hồ Chờ D thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mường Chà (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 4 – Điện Biên), tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

- Các vấn đề khác: Bà P có đơn đề nghị tòa xét xử vắng mặt nên hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 BLTTDS xét xử vắng mặt bà P.

[2] Về yêu cầu khởi kiện:

Về hôn nhân: Hội đồng xét xử xét thấy việc bà P, ông D tuy có đủ điều kiện kết hôn nhưng chung sống với nhau từ năm 1993 đến nay vẫn không đăng ký kết hôn là không thực hiện theo đúng qui định tại khoản 1 điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Nay bà P thấy không thể chung sống được với nhau nữa và đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Tòa án đã thụ lý đơn ly hôn và thông báo cho hai ông bà đến Tòa án để hòa giải đoàn tụ và hướng dẫn đăng ký kết hôn theo qui định. Ông D và bà P đều khẳng định không còn tình cảm với nhau, cùng đồng ý ly hôn nên việc trở về đoàn tụ, thực hiện việc đăng ký kết hôn là không thể. Hội đồng xét xử thấy rằng việc hai ông bà chung sống mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo qui định tại khoản 1 điều 14 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Do đó, cần căn cứ khoản 2 điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2015 tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà P và ông D để chấm dứt mối quan hệ này.

Về con chung: Xét thấy các con chung của bà P, ông D đều đã đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động. Các đương sự không có yêu cầu gì nên hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Về tài sản và nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không đề cập.

[3] Án phí: Hội đồng xét xử căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án cho bà P được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm của vụ án do bà P là người dân tộc thiểu số cư trú tại nơi có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn có đơn xin miễn tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Kháng Thị P và ông Hồ Chờ D.

2. Về con chung: Không đề cập giải quyết.

3. Về tài sản và nợ: Không đề cập giải quyết.

4. Về án phí: Bà Kháng Thị P được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án 05/9/2025.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Ngọc

Nơi nhận:
- *VKSND KV4;*
- *UBND xã N;*
- *THADS TĐB;*
- *Tòa án tỉnh ĐB;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*
- *Lưu VP;*